TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2019/DS-PT
Ngày: 31-10-2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Quân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Đoàn

Ông Vũ Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Lương Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 tháng 9 năm 2019 và 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 09/2019/DS-PT ngày 17 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự phúc thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã X, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐPT ngày 21 tháng 8 năm 2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 29/2019/QĐPT-DS ngày 17 tháng 9 năm 2019; Thông báo tiếp tục phiên tòa số 25/TB-TA ngày 07 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐPT ngày 17 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Tổ A, phường R, thị xã X, tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Tổ B, phường M, thị xã X, tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Mai H, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tổ C, phường M, thị xã X, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Bà Hoàng Thị G, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn I, xã O, thị xã X, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

3. Chị Nguyễn Thanh T– 19 tuổi

Địa chỉ: Tổ C, phường M, thị xã X, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày: Ngày 31-8-2017 ông K có cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), không thỏa thuận lãi xuất, bà N có viết một "giấy vay tiền" thể hiện số tiền vay nêu trên. Sau khoảng một năm ông đã đề nghị bà Nguyễn Thị N trả số tiền đã vay nhưng bà N không trả, nay ông đề nghị Tòa án buộc bà N trả ông số tiền đã vay và không tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà Nguyễn Thị N có vay của ông Nguyễn Văn K số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) như ông K trình bày, nhưng bà đã trả đầy đủ cho ông K thông qua bà Nguyễn Mai H 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); thông qua bà Hoàng Thị G 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và thông qua chị Nguyễn Thanh T 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); còn lại số tiền 120.000.000 đồng bà đã trực tiếp trả cho ông Nguyễn Văn K. Như vậy bà đã trả đủ số tiền đã vay của ông K là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Ngày 02-01-2019, bà Nguyễn Thị N có đơn phản tố yêu cầu Tòa án buộc ông K trả cho bà số tiền 21.000.000 đồng (Hai mươi mốt triệu đồng) gồm tiền thuê luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và tiền bị phạt hợp đồng mua bán hàng do phải đến Tòa án làm việc theo đơn khởi kiện của ông K.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Mai H trình bày:

Tôi với ông K là chị em ruột, còn bà N là bạn bè. Vào khoảng tháng 7 năm 2018, bà N có gửi tôi 50.000.000 đồng để trả cho ông K, tôi đã cầm số tiền này đem đến nhà trả cho ông K nhưng hôm đó ông K đi vắng không có nhà, tôi đã mang về ngay hôm sau ông K đến nhà tôi, tôi đã lấy số tiền trả cho ông K.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị G trình bầy:

Tôi không có mối quan hệ gì với ông K, bà N. Vào tháng 8 năm 2018 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thị xã X, tôi có trả cho ông K số tiền 20.000.000 đồng, đây là số tiền bà N nhờ tôi trả hộ cho ông K. Ngoài ra cũng trong tháng 8/2018, tôi có rút tiền 120.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thị xã X về đưa cho bà N để bà N trả cho ông K. Hôm đó (tôi không nhớ ngày) tại nhà bà N, tôi thấy bà N đã trả tiền cho ông K.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thanh T trình bày: Tôi là con mẹ Nguyễn Mai H, là cháu cậu K và tôi đã được cô N nhờ tôi trả cho cậu K 10.000.000 đồng, ngày tháng trả tiền tôi không nhớ cụ thể.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 19-4-2019 của Tòa án nhân dân thị xã X, tỉnh Yên Bái đã quyết định: *Áp dụng Điều 463, 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự;*

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, buộc bà Nguyễn Thị N phải trả ông Nguyễn Văn K số tiền ***200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).***

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị N về việc buộc ông K trả cho bà số tiền ***21.000.000 đồng (Hai mươi mốt triệu đồng)*** *gồm tiền thuê luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và tiền bị phạt hợp đồng do đến Tòa án làm việc theo đơn khởi kiện của ông K.*

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền về thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22-4-2019, bị đơn bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn K đòi bà N số tiền 200.000.000 đồng; và đề nghị buộc ông K phải bồi thường cho bà N tiền thuê luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tại phiên tòa là 11.000.000 đồng; tiền bị phạt hợp đồng do đến Tòa án làm việc theo đơn khởi kiện của ông K là 10.000.000 đồng, tổng cộng là 21.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 17 tháng 9 năm 2019:

Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên yêu cầu phản tố và nội dung kháng cáo đối với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã X và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xác minh thu thập, bổ sung tài liệu chứng cứ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh thị xã X.

Những người có quyền lợi liên quan nhất trí đề nghị của nguyên đơn về việc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xác minh thu thập, bổ sung tài liệu chứng cứ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh thị xã X.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của các đương sự và tạm ngừng phiên tòa để xác minh thu thập, bổ sung tài liệu chứng cứ.

Hội đồng xét xử phúc thẩm đã Quyết định tạm ngừng phiên tòa để xác minh, bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Kết quả xác minh, bổ sung tại liệu chứng cứ: Tại văn bản số: 234/NHNo.NL-KTNQ ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thị xã X và văn bản số: 1326/NHNo.YB-KTNQ.m ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Yên Bái đã xác định: Tập sổ phụ do bị đơn Nguyễn Thị N giao nộp tại Tòa án cấp phúc thẩm được Tòa án nhân dân tỉnh sao gửi xác minh là từ tài khoản số 8710205000358; chủ tài khoản là Hoàng Thị G; địa chỉ thôn I, xã O, thị xã X, tỉnh Yên Bái. Đồng thời cung cấp sổ phụ tài khoản số: 8710205000358 từ ngày 16-12-2017 đến hết ngày 27-8-2018 của bà Hoàng Thị G, đóng dấu và dấu giáp lai của Agribank chi nhánh thị xã X. Ngoài ra xác định Video lưu trữ từ camera tại quầy giao dịch chi nhánh Agribank chi nhánh thị xã X không còn do hết thời gian lưu trữ theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm được tiếp tục vào ngày 31 tháng 10 năm 2019, các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến quá trình xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Trong vụ án này các bên đương sự đều có nơi cư trú tại thị xã X và Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị N về việc thanh toán khoản tiền vay 200.000.000 đồng theo "Giấy vay tiền" đề ngày 31-8-2017. Do đó việc Tòa án nhân dân thị xã X đã thụ lý, giải quyết và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp. Tòa án nhân dân thị xã X cũng đã xác định đúng, đầy đủ các đương sự trong vụ án.

[2] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K khởi kiện và đã xuất trình chứng cứ là bản gốc "Giấy vay tiền" đề ngày 31-8-2017 có đầy đủ chữ ký của bên vay và bên cho vay. Bị đơn bà Nguyễn Thị N thừa nhận có vay ông Nguyễn Văn K số tiền 200.000.000 đồng theo đúng giấy vay tiền nói trên, nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó có đủ căn cứ để xác định bà Nguyễn Thị N có vay ông Nguyễn Văn K số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 31-8-2017. Theo nội dung giấy vay tiền thể hiện thì đây là khoản vay không có kỳ hạn và không có lãi được quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K và ý kiến phản đối của bị đơn bà Nguyễn Thị N, thấy rằng:

Ông Nguyễn Văn K cho rằng bà N chưa thanh toán trả cho ông bất kỳ một khoản tiền nào, giấy biên nhận vay tiền hiện vẫn do ông giữ nên ông xác định hiện bà N chưa thanh toán cho ông toàn bộ khoản tiền vay 200.000.000 đồng. Nên ông khởi kiện yêu cầu bà N phải trả cho ông số tiền vay nói trên và ông không yêu cầu tính lãi.

Bà Nguyễn Thị N cho rằng đã thanh toán đầy đủ số tiền vay 200.000.000 đồng cho ông K. Việc trả tiền được thực hiện bằng việc bà N đã nhờ bà Hoàng Thị G trả cho ông K 20.000.000 đồng tại Ngân hàng NN&PTNT thị xã X; nhờ bà Nguyễn Mai H là chị gái ruột ông K trả 50.000.000 đồng; nhờ chị Nguyễn Thanh T là con gái bà H và là cháu ruột của ông K trả 10.000.000 đồng, còn lại 120.000.000 đồng bà N trực tiếp trả cho ông K tại nhà bà N và có bà Hoàng Thị G chứng kiến biết sự việc. Bà Nguyễn Thị N cho rằng do bà N và ông K có quan hệ thân thiết (bà N là chị dâu của vợ ông K), những người bà N nhờ trả tiền là ruột thịt của ông K nên những lần trả tiền đều không viết giấy tờ và khi trả xong cũng không lấy lại giấy vay tiền.

Như vậy, trong vụ án này bị đơn bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền vay cho ông K và Hội đồng xét xử cần

xem xét, đánh giá các tình tiết, chứng cứ do bị đơn đưa ra có đủ căn cứ để chấp nhận ý kiến của bị đơn hay không.

[4] Bị đơn bà Nguyễn Thị N và những người có liên quan đều thừa nhận khi trả tiền cho ông Nguyễn Văn K thì bà N và những người này đều không yêu cầu ông K hoặc tự mình viết giấy tờ về việc trả tiền, do đó phía bị đơn không có chứng cứ trực tiếp (là giấy tờ thể hiện việc trả tiền) để chứng minh cho việc bị đơn đã trả tiền cho nguyên đơn.

[5] Việc bị đơn bà Nguyễn Thị N khai đã nhờ bà Nguyễn Mai H là chị gái ruột ông Nguyễn Văn K trả cho ông K 50.000.000 đồng và nhờ chị Nguyễn Thanh T là con gái bà Nguyễn Mai H gọi ông K là cậu ruột trả cho ông K số tiền 10.000.000 đồng. Tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà Nguyễn Mai H vẫn một mực khẳng định khi được bà N nhờ cầm 50.000.000 đồng để trả cho ông K, bà H đến nhà ông K để trả nhưng ông K không có nhà nên bà H có gọi điện cho ông K và ông K có nói cứ cầm về ông K sẽ đến lấy, tối cùng ngày ông K đã trực tiếp đến nhà bà H nhận số tiền 50.000.000 đồng; chị Nguyễn Thanh T cũng khai khẳng định đã trực tiếp cầm số tiền 10.000.000 đồng do bà N nhờ, đến nhà ông K trả trực tiếp cho ông K. Xét lời khai của bà H, chị T là khách quan vì đây là những người thân thích, ruột thịt của ông K nên cần xác định việc bà N đã trả cho ông K số tiền mà bà H và chị T đã đưa cho ông K là 60.000.000 đồng (bà H đưa 50.000.0000 đồng + chị T 10.000.000 đồng).

[6] Đối với việc bà N và bà Hoàng Thị G khai bà N nhờ bà G trả số tiền 20.000.000 đồng cho ông K tại Ngân hàng NN&PTNT thị xã X. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm bà G đã trình bày sau khi rút tiền tại Ngân hàng 20.000.000 đồng, bà G đã trả luôn cho ông K tại Ngân hàng, việc trả tiền không làm giấy tờ. Tại Tòa án sơ thẩm bà G cũng như phía bị đơn đã đề nghị Tòa án thu thập tài liệu là sao kê việc rút tiền của bà G tại Ngân hàng nhưng không được Tòa án chấp nhận. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm phía bị đơn đã cung cấp bản sao kê giao dịch của bà G tại Chi nhánh Ngân hàng No&PTNT thị xã X, thể hiện ngày 10-8-2018 bà G có rút số tiền 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Hoàng Thị G vẫn tiếp tục khẳng định đã trực tiếp trả cho ông Nguyễn Văn K số tiền 20.000.000 đồng tại Ngân hàng No&PTNT thị xã X vào ngày 10-8-2018. Xét thấy, lời khai của bị đơn Nguyễn Thị N và bà Hoàng Thị G là hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với chứng cứ là giao dịch rút tiền của bà G tại Ngân hàng nên cần chấp nhận ý kiến của bị đơn là có việc bà G đã trả cho ông Nguyễn Văn K số tiền 20.000.000 đồng và đây là số tiền bà N nhờ bà G thanh toán cho khoản tiền vay của bà N với ông K.

[7] Đối với lời khai của bà Nguyễn Thị N xác định khi số tiền vay còn 120.000.000 đồng, ông K đã yêu cầu bà N phải trả để ông K đặt mua máy giặt công nghiệp, bà N nói chuyện với bà G và bà G đã đến Ngân hàng No&PTNT thị xã X rút số tiền 120.000.000 đồng về nhà đưa cho bà N. Tại nhà bà N bà G có chứng kiến và nhìn thấy bà N đã trực tiếp trả cho ông Nguyễn Văn K số tiền 120.000.000 đồng. Lời khai này của bị đơn xét phù hợp với lời khai của bà Hoàng Thị G về việc đã chứng kiến thấy việc bà N đã trả tiền cho ông K tại nhà bà N, phù hợp với kết quả xác minh giao dịch rút tiền tại Ngân hàng No&PTNT chi nhánh thị xã X về việc bà Hoàng Thị G đã rút số tiền 120.000.000 đồng tại Ngân hàng vào ngày 22-08-2018. Do đó cần chấp nhận ý kiến của bị đơn về việc đã thanh toán cho ông K số tiền 120.000.000 đồng vào ngày 22-8-2018.

[8] Từ những nhận định phân tích nêu trên thấy rằng việc bị đơn là bên vay đã trả toàn bộ tiền vay theo hợp đồng cho bên vay nhưng không lập giấy tờ xác nhận việc đã trả tiền, không lấy lại giấy biên nhận vay tiền (hợp đồng) nhưng việc trả việc tiền cho bên cho vay được thực hiện bằng những người thân thích (bố mẹ, anh chị em ruột, cháu ruột) của bên cho vay và đã được những người này xác nhận hoặc có người chứng kiến, thấy rõ sự việc và phù hợp với các chứng cứ tài liệu chứng minh về số tiền đã trả thì cần được chấp nhận việc bên vay đã thực hiện nghĩa vụ đối với bên cho vay.

[9] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N về việc không chấp nhận việc Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà N phải trả cho ông Nguyễn Văn K số tiền vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) là có cơ sở để chấp nhận. Cần sửa bản án sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 19-4-2019 của Tòa án nhân dân thị xã X, tỉnh Yên Bái theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K.

[10] Xét yêu cầu phản tố và kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn K phải bồi thường cho bà N chi phí thuê luật sư để bảo vệ quyền lợi cho mình tại Tòa án là 11.000.000 đồng và chi phí bồi thường thiệt hại do việc phải tham gia tố tụng tại Tòa án nên bị phạt hợp đồng với số tiền 10.000.000 đồng, tổng cộng là 21.000.000 đồng. Xét việc phải tham gia tố tụng và chứng minh cho ý kiến phản đối việc bị kiện là nghĩa vụ của mỗi bên đương sự, pháp luật hiện hành không quy định nghĩa vụ của bên khởi kiện khi không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện phải trả các chi phí này nên yêu cầu của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) ông K đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001686 ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã X, tỉnh Yên Bái. Ông Nguyễn Văn K còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001701 ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã X, tỉnh Yên Bái.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là bị đơn Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà N được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001746 ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã X, tỉnh Yên Bái

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 147; khoản 3 Điều 148; khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH năm 2016.

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 19-4-2019 của Tòa án nhân dân Thị xã X, tỉnh Yên Bái như sau:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K về việc buộc bà Nguyễn Thị N phải trả số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

1.2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị N về việc buộc ông Nguyễn Văn K phải trả số tiền 21.000.000 đồng (Hai mươi mốt triệu đồng) chi phí thuê luật sư và tiền bị phạt hợp đồng do phải đến Tòa án theo kiện theo đơn của ông Nguyễn Văn K.

1.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) ông K đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001686 ngày 03 tháng

12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã X, tỉnh Yên Bái. Ông Nguyễn Văn K còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001701 ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã X, tỉnh Yên Bái. Bà Nguyễn Thị N còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được trả lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0001746 ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã X, tỉnh Yên Bái

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND thị xã X;
- Chi cục THADS thị xã X;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, TA. (12b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Hồng Quân